

Bản án số:77/2020/HS-ST

Ngày: 28-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Ngọc Hằng.

Ông Nguyễn Bá Duy Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 62/2020/HS-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 299/2020/HSST-QĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. TRẦN THỊ A, sinh ngày 26 tháng 3 năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: 012 lô B chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 01 năm 2020.(Có mặt).

2. PHAN VĂN D, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Trú tại: 629/26A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Con ông Cao Minh E, sinh năm 1958 và bà Phan Thị F, sinh năm 1959; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 30 tháng 5 năm 2019, Ủy ban nhân dân Phường 2, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 41/QĐ-UBND về việc giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn từ ngày 30 tháng 5 năm 2019 đến ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Nghị định 111/2013/NĐ-CP về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo đã chấp hành xong. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07 tháng 01 năm 2020.(Có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 012 lô B chung cư Nguyễn Thiện Thuật, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 07 tháng 01 năm 2020, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an Quận 3 tuần tra đến trước số 16/55/49 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 2, Quận 3 phát hiện Trần Thị A đang ngồi trên xe gắn máy xe biển số 59F1-774.62 dừng bên cạnh Phan Văn D có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra, thu giữ trên tay phải của Tiến có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu nghi là ma túy nên đưa về Công an Phường, Quận 3 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 3 xử lý. Tiến hành khám xét nơi ở của Tiến tại số 629/26A Nguyễn Đình Chiểu, Phường 2, Quận 3 không thu giữ gì thêm.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên Tòa hôm nay, Trần Thị Kim Oanh và Phan Cao Minh khai nhận:

Phan Văn D khai nhận: Vào khoảng 07 giờ ngày 07 tháng 01 năm 2020, D nhận được cuộc gọi từ một thanh niên tên Duy (không biết rõ lai lịch) hỏi mua hộp 05 ma túy đá. Do không có sẵn ma túy nên D sử dụng số điện thoại 0934318440 gọi cho bị cáo A hỏi mua hộp 05 ma túy đá thì A báo giá cho D là 2.400.000 đồng. D điện thoại báo giá lại cho Duy là 2.700.000 đồng và Duy đồng ý mua. Sau đó, A điều khiển xe gắn máy biển số 59F1-774.62 đến giao ma túy cho D thì D nhờ chở đi giao ma túy cho Duy. Trong lúc chờ giao ma túy cho Duy thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu trên. Ngoài ra D khai đã 03 lần mua ma túy của A. Cụ thể, mua 01 lần giá 250.000đồng, 02 lần giá 200.000 đồng, lần gần nhất là ngày 06 tháng 01 năm 2020 bị cáo dùng số điện thoại 0907305219 liên hệ với bị cáo A mua ma túy của A để sử dụng. 02 lần mua trước đó thì không nhớ cụ thể ngày giờ mua. Cả 03 lần mua ma túy trên, bị cáo A và D giao nhận ma túy tại khu vực đường Nguyễn Đình Chiểu đoạn Phường 2, Quận 3. Sau khi mua ma túy bị cáo sử dụng cho cá nhân vì bản thân bị cáo nghiện ma túy, lần thứ 4 bị cáo mua hộp 5 ma túy của bị cáo A với giá 2.400.000 đồng bán lại cho đối tượng tên Duy nhằm mục đích để kiếm lợi thì bị bắt giữ.

Trần Thị A khai nhận: Khoảng 07 giờ ngày 07 tháng 01 năm 2020, bị cáo D điện thoại hỏi mua hộp 05 ma túy đá thì A báo giá là 2.400.000 đồng và bị cáo D đồng ý mua. Sau đó, A gọi điện cho Thanh (không biết rõ lai lịch) hỏi mua hộp 05 ma túy đá với giá 2.000.000 đồng để bán lại cho D. Sau khi mua ma túy của Thanh, A dùng xe gắn máy biển số 59F1-774.62 đi đến đường Nguyễn Đình Chiểu giao cho D thì D nhờ A chở đi giao ma túy cho Duy để lấy tiền trả cho A nên A đồng ý chở D đi. Khi cả hai đến trước nhà 16/55/49 Nguyễn Thiện Thuật chờ giao ma túy thì bị bắt giữ như đã nêu trên. Ngoài ra, A còn khai nhận đã 03 lần bán ma túy trước đó cho D, 02 lần bán 200.000đồng/lần, 01 lần bán 250.000 đồng, lần bán cho bị cáo D gần nhất là ngày 06

tháng 01 năm 2020. Trong 03 lần bán ma túy cho bị cáo D trước đó hai bên giao nhận ma túy tại khu vực đường Nguyễn Đình Chiểu, đoạn Phường 2, Quận 3. Cả 04 lần bán ma túy trên cho bị cáo D đều liên lạc với nhau bằng điện thoại di động số 0907951372. Bị cáo khai nhận nguồn gốc ma túy cả 04 lần bán cho bị cáo D đều mua lại của đối tượng tên Thanh nhưng không rõ lai lịch.

Tại bản Kết luận giám định số 162/KLGD-H ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận về 01 gói ma túy được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Phan Cao Minh Tiến và hình dấu Công an Phường 2, Quận 3 do Cơ quan điều tra trưng cầu giám định như sau: "Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu M cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,9674 loại Methamphetamine".

Vật chứng vụ án:

- 01 phong bì bên trong là mẫu vật còn lại sau giám định vụ số 162/KLGD-H ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, được niêm phong bên ngoài có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra: tinh thể không màu khối lượng 4,64670g.

Thu giữ của bị cáo Trần Thị A:

- 01 xe máy, hiệu Honda Vision màu đỏ, biển số 59F1-774.62, số máy: JF58E-0320962, số khung: RLHJF5804EY435195. Qua xác minh, chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột của bị cáo Trần Thị A), bà C giao xe cho bị cáo A để chở em đi học nhưng không biết bị cáo A sử dụng làm phương tiện mua bán trái phép chất ma túy; 01 điện thoại di động ghi chữ HTC, màu đen; Sim số 0907951372.

Thu giữ của Phan Văn D:

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105, màu xanh, số Imei: 354878082468266 kèm theo 01 sim số 0907305219; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi Redmi màu đen, số Imei1: 862626048446388, số Imei2: 862626049946386 kèm theo 02 Sim số: 0922002654 và 0934318440; 01 giấy phép lái xe và 01 CMND tên Phan Văn D. Số tiền 1.150.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 đã truy tố bị cáo Phan Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Thị A về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

- Bị cáo Phan Văn D từ 04 năm đến 05 năm tù.

- Bị cáo Trần Thị A từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy số ma túy do Công an Quận 3 thu giữ; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu HTC thu giữ của bị cáo A

kèm theo sim số 0907951372; 01 điện thoại Xiaomi Redmi màu đen cùng 02 sim số đi cùng 0922002654 và 0934318440, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh có số imei: 354878082468266 kèm theo sim số 0907305219; giao trả 01 xe máy biển số 59F1-774.62 cho bà Nguyễn Thị C. Giao trả số tiền 1.150.000 đồng không liên quan đến vụ án thu giữ của bị cáo Tiến cùng 01 CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Văn D cho bị cáo D.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết có yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô biển số 59F1-774.62.

Bị cáo Phan Văn D và Trần Thị A đã nhận thấy hành vi vi phạm pháp luật của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 3, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay; bản Kết luận giám định số 162/KLGĐ-H ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh; lời khai của những người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 07 tháng 01 năm 2020, bị cáo Phan Văn D và Trần Thị A đã bị bắt quả tang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 4,9674gr loại methamphetamine là đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Đối với bị cáo Phan Văn D; Bị cáo bị bắt quả tang mua ma túy với tổng khối lượng là 4,9674g từ bị cáo A với giá 2.400.000 đồng để bán lại cho đối tượng tên Duy với giá 2.700.000 để hưởng tiền chênh lệch nên bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 truy tố theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Ngoài ra bị cáo khai nhận trước đó còn mua của bị cáo A tổng cộng 03 lần ma túy để sử dụng. Trong đó 02 lần mua với giá mỗi lần 200.000đồng/lần, 01 lần bị cáo mua 250.000 đồng. Thời gian lần mua gần nhất là vào ngày 06 tháng 01 năm 2020, hai bên liên hệ bằng điện thoại, giao nhận ma túy ở khu vực đường Nguyễn Đình Chiểu, việc bị cáo D mua 03 lần ma túy trước từ bị cáo A nhằm mục đích sử dụng do nghiện ma túy nên không đủ yếu tố xử lý về mặt hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Đối với bị cáo Trần Thị A; Bị cáo A bị bắt quả tang bán cho bị cáo D số ma túy có trọng lượng 4,9674gr loại methamphetamin, đồng thời bị cáo khai nhận trước đó đã bán cho bị cáo Tiến 03 lần ma túy với 01 lần bán với giá 250.000 đồng/lần và 02 lần bán với giá 200.000 đồng. Lần gần nhất là vào ngày 06 tháng 01 năm 2020 bán cho bị cáo D để hưởng tiền chênh lệch, việc mua bán 03 lần này có sự thừa nhận của người mua, hai bên bán và mua khai nhận hoàn toàn phù hợp về phương thức liên lạc, thời gian mua, địa điểm giao nhận ma túy và giá mua bán ma túy, tổng cộng bị cáo A bán 04 lần ma túy cho bị cáo D nên bị cáo A bị Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[5] Trước khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo A và D hoàn toàn biết rõ hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, biết rõ tác hại của việc mua bán cũng như tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng vẫn bất chấp pháp luật và lao vào con đường phạm tội. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy do các bị cáo thực hiện không chỉ trực tiếp xâm phạm đến chính sách của Nhà nước về độc quyền quản lý các chất ma túy và bài trừ tệ nạn sử dụng trái phép chất ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, là một trong những nguyên nhân trực tiếp làm phát sinh các tội phạm khác và làm lan truyền các căn bệnh nguy hiểm chưa có thuốc chữa trong nhân dân; Do vậy 02 bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi mình đã gây ra.

[6] Tuy nhiên cũng xét tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ thật sự ăn năn hối cải; Do đó áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra mỗi bị cáo phải chịu.

[7] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, cả hai bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nên áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự để xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo là có căn cứ.

[8] Vật chứng của vụ án: Xét số ma túy do Cơ quan điều tra thu giữ là vật cấm lưu hành, tàng trữ do vậy tịch thu, tiêu hủy là có căn cứ. Đối với 01 điện thoại di động hiệu HTC màu đen đi cùng sim số 0907513572 thu giữ của bị cáo A; 01 điện thoại hiệu Xiaomi redmi kèm 02 sim số 0922002654 và 0934318440 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh kèm theo sim số 0907305219 thu giữ của bị cáo D là điện thoại sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu, sung quỹ. Đối với 01 xe mô tô biển số 59F1-774.62 qua xác minh do bà Nguyễn Thị C(mẹ ruột bị cáo A) đứng tên sở hữu, bà C giao xe cho bị cáo A chở em đi học,sau đó bị cáo sử dụng vào việc phạm tội bà C không biết, do vậy giao trả xe máy trên trên cho bà C là có căn cứ; Giao trả số tiền 1.150.000 đồng cùng 01 CMND và 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Văn D không liên quan đến vụ án nên giao trả lại cho bị cáo D.

[9] Quá trình nghiên cứu hồ sơ, Tòa án nhân dân Quận 3 nhận thấy; Tại bút lục số 109 bị cáo Tiến khai nhận là bán ma túy ít nhất từ 02 lần nhưng chưa được làm rõ về hành vi mua bán ma túy nhiều lần của bị cáo D. Ngoài ra cũng cần làm rõ nhân thân của đối tượng tên Thanh vì có căn cứ đối tượng này thực hiện hành vi mà Bộ luật

Hình sự quy định là tội phạm nên đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung các vấn đề trên. Qua điều tra lại thì chỉ có 01 lời khai duy nhất của bị cáo D nên không có căn cứ khởi tố bổ sung về hành vi mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 giữ nguyên quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 26/CT-VKS-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo D là có cơ sở. Đối với đối tượng tên Thanh, qua kiểm tra điện thoại liên hệ giữa bị cáo A thì không có thông tin liên hệ giữa bị cáo A và tên Thanh, khu vực bị cáo A khai nhận giao nhận ma túy giữa bị cáo và tên Thanh không có camera quan sát nên không thể biết chính xác nhân thân, lai lịch của tên Thanh nên không có căn cứ để truy tìm xử lý đối với tên Thanh là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn D đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Phan Văn D 03 (ba) năm 06 sáu) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt phạm tội quả tang là ngày 07 tháng 01 năm 2020.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị A đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251, Điều 17; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Thị A 07 (bảy) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt phạm tội quả tang là ngày 07 tháng 01 năm 2020

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 phong bì bên trong là mẫu vật còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định: Tinh thể không màu có khối lượng 4,6467g được niêm phong có chữ ký của Giám định viên và Cán bộ điều tra.

- Tịch thu và nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu HTC, màu đen, kèm theo 01 sim số; 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi redmi 7, màu đen, vẫn còn nguyên vẹn, imei 1: 862626048446388, imei 2: 862626049946386 kèm theo 02 sim; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 105 màu xanh, imei: 354878082468266 kèm theo 01 sim. Cả 03 điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Giao trả cho bà Nguyễn Thị C 01 xe gắn máy kiểu dáng vision, màu đỏ, biển số 59F1-774.62, số khung: RLHJF5804EY435195, số máy JF58E-0320962. Tình trạng xe đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong, không kiểm tra tình trạng hoạt động.

- Giao trả 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe mang tên Phan Văn D và số tiền 1.150.000đồng cho bị cáo Phan Văn D.

(Tài sản tịch thu, tiêu hủy; tịch thu, nộp ngân sách nhà nước và giao trả ghi trong Lệnh nhập kho vật chứng số 267 ngày 09 tháng 3 năm 2020; Giấy nộp tiền vào tài khoản số 3949.0.9061612.000000 ngày 10 tháng 3 năm 2020 tại Kho bạc nhà nước Quận 3 của Công an Quận 3).

Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH3 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án: Các bị cáo và người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi nhận:

-TAND Tp.HCM;

-VKSND Quận 3;

-Công an Quận 3;

-Sở Tư Pháp;

-Chi cục Thi hành án dân sự Q3;

-Các đương sự;

-Lưu VP, Hồ sơ(...)

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành